

Bản án số: 162/2022/HS-PT

Ngày: 14-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Châu

Các Thẩm phán: 1. Ông Trương Công Huân

2. Bà Phạm Uyên Thy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Lê Trọng Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2022/TLPT-HS ngày 28/01/2022 đối với bị cáo Lê Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 549/2021/HS-ST ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Văn T**; sinh năm 1992 tại tỉnh B; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã TB, huyện M, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H1 (chết) và bà Dương Thị C (chết); tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 19/5/2020, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tuyên phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 38/2020/HS-PT, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 26/10/2020;

Nhân thân:

+ Ngày 06/01/2010, bị Ủy ban nhân dân quận B, thành phố H đưa vào cơ sở chữa bệnh 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 40/QĐ-UBND;

+ Ngày 29/12/2015, bị Tòa án nhân dân quận B, thành phố H quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 117;

+ Ngày 26/3/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh B xét xử, tuyên phạt 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 33/2013/HSST.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2021; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 24/3/2021, Lê Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Wave màu xanh trắng (không nhớ biển kiểm soát) đi vòng quanh khu vực thành phố Đ tìm tài sản của người khác sơ hở để trộm cắp kiếm tiền tiêu xài. Khoảng 01 giờ ngày 25/3/2021, khi đến công trình xây dựng nhà số 48 đường A, khu phố B, phường K, thành phố Đ, thành phố H, phát hiện cửa cổng nhà mở, Lê Văn T dựng xe bên ngoài rồi đi bộ vào trong nhà. Phát hiện anh Đinh Ngọc H nằm ngủ dưới nền nhà, điện thoại di động hiệu Iphone màu đen ở cạnh người nên lấy bỏ vào túi. Tiếp tục đi xung quanh tìm kiếm tài sản, thấy trong nhà vệ sinh để 02 thùng đồ dụng cụ xây dựng gồm 01 thùng đựng máy đục, 01 thùng đựng máy đo laser của anh Phạm Văn M.

Sau đó, Lê Văn T tiếp tục đi lên lầu 01, thấy anh Nguyễn Văn T1 và anh Quách Long P đang nằm ngủ. Lê Văn T lục soát lấy 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu đen và bóp tiền của anh Nguyễn Văn T1 và lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Pro, màu xám, 01 điện thoại hiệu Masstel, Model izi300 màu đen bạc của anh Quách Long P bỏ vào túi quần rồi quay xuống tầng trệt lấy 02 thùng đồ dụng cụ xây dựng của anh Phạm Văn M, Lê Văn T mang các tài sản trộm cắp được về nhà trọ không số, đường C, phường P, thành phố Đ, thành phố H cất giấu. Lê Văn T đi vào phòng của Trần Thị Ngọc D là người sống với nhau như vợ chồng, lấy tài sản ra kiểm tra, phát hiện trong bóp của anh Nguyễn Văn T1 có 01 thẻ ATM của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và số tiền 200.000 đồng. Lê Văn T nhờ Nguyễn Thị Ngọc M1 là em dâu của Trần Thị Ngọc D kiểm tra tiền trong thẻ nhưng không kết nối được. Đồng thời, Lê Văn T đưa điện thoại di động hiệu Iphone XSMax chiếm đoạt được của anh Nguyễn Văn T1 để Nguyễn Thị Ngọc M1 mở mật khẩu nhưng Nguyễn Thị Ngọc M1 không mở được nên Lê Văn T lấy lại điện thoại di động và bóp đi về.

Đến 06 giờ 30 phút cùng ngày, anh Nguyễn Văn T1, Đinh Ngọc H, anh Phạm Văn M và anh Quách Long P thức dậy phát hiện bị mất tài sản nên trình báo Công an phường An Khánh, thành phố Thủ Đức.

Quá trình điều tra truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức bắt Lê Văn T và Lê Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Đối với Trần Thị Ngọc D và Nguyễn Thị Ngọc M1 không biết các tài sản do Lê Văn T phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xử lý về hình sự là cơ cơ sở.

Tại Bản kết luận định giá về tài sản số 62/KLĐG-HĐĐGTS-KV1 ngày 09/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Đức

kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu đen, 256GB trị giá 12.269.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen, 32GB trị giá 3.145.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Pro, màu xám trị giá 1.275.000 đồng; 01 điện thoại hiệu Masstel, Model izi300, màu đen bạc trị giá 262.000 đồng; 01 máy laser đo cân bằng màu cam cao 17cm trị giá 990.000 đồng; 01 máy đục màu đỏ bạc đen hiệu FEG, Model EG -550 trị giá 1.000.000 đồng; 07 mũi khoan các loại (đã qua sử dụng) trị giá 560.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản là 19.501.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 549/2021/HS-ST ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2021.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/12/2021, bị cáo Lê Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời gian luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”, căn cứ các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trị giá tài sản chiếm đoạt 19.501.000 đồng đã trả lại cho các bị hại và tình tiết tăng nặng bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm để áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp được thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố

tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn T trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ ngày 25/3/2021, tại công trình xây dựng nhà số 48 đường A, khu phố B, phường K, thành phố Đ, thành phố H, bị cáo Lê Văn T lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của chủ tài sản đã lén lút chiếm đoạt các tài sản với tổng giá trị 19.701.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người đúng tội, không oan sai.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, bị cáo có 1 tiền án, chưa được xóa án tích, lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm thể hiện bị cáo thiếu ý thức tu dưỡng bản thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi xem xét, quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới để xem xét, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt 02 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo không có cơ sở để chấp nhận.

Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn T** 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2021.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM; (2)
- VKSND TP.HCM; (2)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- P.PV06 - CA TP.HCM; (1)
- TAND thành phố Thủ Đức; (1)
- VKSND thành phố Thủ Đức; (1)
- Công an thành phố Thủ Đức; (1)
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức; (1)
- Bị cáo; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu Tòa Hình sự, hồ sơ (21). (7)

Trần Minh Châu